

SƠ BỘ NHẬN XÉT ĐIỀU KIỆN KTNN VỤ MÙA NĂM 1994 Ở TỈNH HÀ TÂY

KS. Đỗ Huy Thành
Đài KTTV Hà Tây

Vụ mùa 1994 cũng là vụ được mùa, năng suất khá so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên, năng suất và sản lượng có kém hơn 3 vụ liền kề trước đây (từ 1991 - 1993). Trong gần suốt cả vụ, mưa nhiều, thời gian nắng giảm, cuối vụ khi thu hoạch ít thuận lợi.

1. Các điều kiện KTNN từ khi gieo đến thu hoạch (VI - X-1994).

- Nền nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình trong các tháng suốt vụ (VI - X-1994) đều xấp xỉ trung bình nhiều năm và cao hơn chút ít, song vẫn thấp hơn 3 vụ trước từ 0,5 - 1°C. Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối trong 3 tháng đầu vụ (VI - VIII) đều cao, xấp xỉ 37°C, hai tháng cuối vụ (IX - X) nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối lại giảm mạnh, từ 21,1°C trong tháng IX xuống 14,0°C vào cuối tháng X-1994.

- Trong suốt vụ lượng mưa cao, 4 tháng chính vụ lượng mưa cao từ 300,0 - 600,0mm/tháng, đều vượt xa trung bình, đặc biệt tháng VIII-1994 lượng mưa lớn hơn 2 lần trung bình nhiều năm và tháng VIII ba vụ trước. Đến tháng X-1994 lượng mưa vẫn còn cao trên 150,0mm, rất bất lợi cho việc thu hoạch mùa.

- Thời gian nắng trong các tháng chỉ ở mức xấp xỉ dưới trung bình, bình quân mỗi ngày trong vụ chỉ từ 4 - 5 giờ nắng, trong khi đó ở 3 vụ trước bình quân 6 - 7 giờ nắng một ngày. Số giờ nắng ít đã giảm hẳn tốc độ sinh trưởng và phát triển cây lúa, nhất là vào thời kỳ trở bông, nở hoa.

- Bão số 6 vào cuối tháng VIII-1994 gây mưa lớn kéo dài nhiều ngày, tiếp đó bão số 7 vào đầu tháng IX- 1994 giữa lúc lúa đang vào thời kỳ trở bông, nở hoa và ngâm sữa. Nhiều cánh đồng lúa trong tỉnh ngập sâu trong nước, thiệt hại rất nặng, có vùng coi như mất trắng.

*Bảng 1. Các yếu tố khí tượng vụ mùa 1994
tại trạm KTNN Hà Đông*

Tháng Yếu tố	VI-1994	VII-1994	VIII-1994	IX-1994	X-1994
$\bar{T}(^{\circ}\text{C})$	26,3	28,2	28,0	26,6	23,6
$T_x(^{\circ}\text{C})$	36,5	36,7	36,6	34,0	32,0
$T_n(^{\circ}\text{C})$	23,4	24,2	22,9	21,1	14,0
Lượng mưa (mm)	330,9	409,2	640,4	319,4	154,4
Số ngày mưa	19	22	20	17	10
Thời gian nắng (h)	98,7	137,0	168,4	130,9	199,9

2. Tình hình sinh trưởng và phát triển của cây lúa mùa năm nay

Tại trạm KTNN Hà Đông tỉnh Hà Tây tiến hành quan trắc theo dõi vật hậu thí nghiệm với 2 loại giống lúa: CR203-NC và Ai 32, gieo, cấy cách nhau 4 - 5 ngày cho thấy:

- Thời kỳ cây mạ, từ trung tuần tháng VI đến cuối tuần II tháng VII-1994. Đây là thời kỳ vào vụ ít thuận lợi, việc làm mạ "thừa nước" do mưa nhiều, đặc biệt trước đó trong tháng V-1994 đã có lượng mưa quá cao (gấp 2 lần trung bình nhiều năm, TS KTTV số 9-1994).

- Thời kỳ vào cấy từ cuối tuần I-VII đến cuối tháng VII-1994. Đây là thời kỳ khá thuận lợi, cây mạ thân cao, độ rộng khá, lá nhiều. Song do "thừa nước" một số được trũng thân mạ rớt, lá hanh vàng và có được mạ hơi "già tuổi".

- Do nhiệt đủ, lúa cấy bén rễ hồi xanh nhanh (chỉ hơn một ngày sau). Lúa vào đẻ cũng rất nhanh, chỉ sau 15 - 17 ngày cấy lúa bắt đầu đẻ. Lúa đẻ rất rõ và kết thúc nhanh, chỉ sau 6 - 8 ngày là kết thúc (nhanh hơn vụ mùa 1993: 1 - 2 ngày). Đặc biệt tỷ lệ đẻ rất cao, cả 2 giống CR203 và Ai 32 cho tỷ lệ từ 170 - 280% (cao hơn vụ mùa 1993 đến $\approx 50\%$ và trung bình nhiều vụ đến $\approx 100\%$).

- Độ cao thân lúa lớn, độ dài bông lúa khá, (độ cao thân TB: 90 - 95cm, độ dài bông TB: 21 - 23cm). Cả 3 đợt cấy thí nghiệm thời gian từ mọc đống phổ biến ($\geq 50\%$) đến trở bông nở hoa phổ biến ($\geq 50\%$) kéo dài hơn trung bình nhiều vụ từ 2 - 3 ngày, ngược lại, từ ngậm sữa ($\geq 50\%$) đến chắc xanh ($\geq 50\%$) lại rút ngắn hơn trung bình từ 2 - 3 ngày. Song do "thừa ẩm", kém nắng nên thời gian trở bông nở hoa lại kéo dài hơn vụ mùa 1993 từ 2 - 3 ngày. Theo chúng tôi, đây là một trong những nguyên nhân làm cho năng suất vụ mùa này kém 3 vụ trước liền kề (1991 - 1993).

- Bông lúa tuy dài, số hạt khá, song số hạt lép lửng trên 1 bông lại cao. Nhìn lại ba vụ trước (1991 - 1993), số hạt lép lửng trên 1 bông thường chỉ trên dưới 10 hạt, vụ năm nay lên tới 15 - 17 hạt/1 bông, đặc biệt hơn ở giống ai 32 lên tới 30 - 50 hạt/1 bông.

- Hạt thóc kém mẩy, do đó khối lượng 1000 hạt thấp: giống CR203 đạt từ 14 - 15g, còn ai 32 chỉ đạt $\approx 12g/1000$ hạt. Đây là nguyên nhân thứ hai đưa đến năng suất không cao lắm, kém 3 vụ mùa trước.

- Thời kỳ lúa "con gái" có sâu cuốn lá nhẹ, nhưng do phòng trừ kịp thời nên không gây thiệt hại đáng kể. Song ở thời kỳ sắp thu hoạch do mưa nhiều, "thừa nước" và sau khi nước rút, ẩm cao, bệnh đạo ôn gây nấm cổ bông... Một số chân trũng thu hoạch vội, sau đó thiếu nắng phơi, tất cả đã làm hạn chế đến phẩm cấp và năng suất gạo mùa trong năm 1994 vừa qua.

3. Phân tích thành phần năng suất lúa mùa 1994

- Lúa sau cấy bén rễ nhanh, vào đẻ nhanh, đặc biệt đẻ rõ và tỷ lệ đẻ rất

cao. Bông lúa dài, hạt nhiều, song số hạt chắc nhỏ (hạt lép, lửng nhiều), khối lượng 1000 hạt thấp, thu hoạch vội, kém năng.

- Tỷ lệ cây kết quả trên một mét vuông rất cao: 95 - 99% (cao hơn 3 vụ trước: 2 - 4%, cao hơn TBNN: 30 - 40%).

- Số gié trung bình trên một bông khá, xấp xỉ 3 vụ mùa trước (1991 - 1993), nhiều hơn TBNN: 2 - 4 gié/1 bông. Đặc biệt, giống Ai 32 lại có số gié cao hơn CR203 (2 - 3 gié/bông). Song số hạt chắc trên một bông ít hơn TBNV được mùa và 2 vụ mùa trước từ 3 - 5 hạt/bông.

- Song nhìn toàn cục, cả 2 giống cấy thí nghiệm (CR203-NC và Ai 32) đều cho năng suất tính toán và thực thu khá, bình quân giống CR203 đạt ≈ 50 tạ/ha; còn giống Ai 32 đạt ≈ 45 tạ/ha. Có thể coi vụ mùa 1994 có năng suất khá, đạt xấp xỉ TBNV được mùa, song như trên đã phân tích, do những hạn chế bởi điều kiện KTNN đem lại nên năng suất vụ mùa này kém hơn 3 vụ trước liên kê từ: 6 - 8 tạ/ha, đặc biệt là vụ mùa 1992 (năm có năng suất cao nhất) từ: 10 - 12 tạ/ha.

- Tạm so sánh và nhận xét 2 giống cấy thí nghiệm (CR203 - NC và Ai 32) cho phép nhận xét bước đầu:

+ Giống lúa CR203-NC và một số giống thuần chủng khác đã thích nghi với các điều kiện KTNN trong quá trình nhiều năm (trên 10 năm). Gieo, cấy với mật độ vừa phải và chăm sóc đầy đủ thì tỷ lệ đẻ rất cao, số cây không kết quả trên $1m^2$ ít, số hạt lép, lửng không nhiều, hạt to, dài (khối lượng 1000 hạt lớn). Năng suất đạt thường cao và ổn định.

+ Giống lúa Ai 32, gieo cấy như CR203 thì tỷ lệ đẻ và số cây kết quả trên $1m^2$ không cao bằng CR203. Cho dù số gié trung bình trên một bông nhiều, song số hạt lép, lửng rất nhiều (gấp 2 - 3 lần giống CR203), hạt nhỏ, ngắn (khối lượng 1000 hạt thấp). Gặp thời tiết không thuận lợi, khả năng chống chịu kém, năng suất đạt thấp hẳn so với giống CR203-NC.

Bảng 2. Phân tích thành phần năng suất vụ mùa 1994 tại trạm KTNN Hà Đông

Giống	Đợt gieo cấy	Số cây kết quả TB/ m^2	Số cây không kết quả TB/ m^2	Số gié TB/1bông	Số hạt chắc TB/1 bông	Số hạt lép, lửng TB/1 bông	Khối lượng 1000 hạt (g)	Năng suất tính toán (tạ/ha)	Năng suất thực thu (tạ/ha)
CR203-NC	I	442	10	8	78	15	15,05	51,89	48,75
	II	466	5	7	72	17	14,92	50,06	46,55
	III	475	7	8	75	16	14,50	51,66	45,27
Ai 32	I	410	16	11	98	44	12,10	48,62	43,85
	II	505	12	8	78	30	11,80	46,48	42,55
	III	520	15	13	78	51	11,60	47,05	38,15

Nhìn chung, điều kiện KTNN vụ mùa vừa qua không thuận lợi lắm: lượng mưa quá "thừa", thời gian nắng kém, nhất là trong thời kỳ mạ và trở bông nở hoa đến chắc xanh. Song các điều kiện khác thỏa đáng nên có thể đánh giá chung (qua số liệu thực tế) đây cũng là vụ được mùa, tuy có kém 3 vụ trước liền kề (từ 1991 - 1993). Rõ ràng là trong các khâu giống, mạ, kỹ thuật canh tác đã được đáp ứng đầy đủ thì điều kiện KTNN vẫn là một nhân tố quan trọng mang tính quyết định.

[Faint, illegible text]

[Faint, illegible text]

STT	Tên	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị
001
002
003
004
005
006
007
008
009
010